|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC NINH**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**Số: /TTr-SLĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**V/v đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Thông báo số 17/TB-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh về Kết luận của Phó chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại hội nghị báo cáo tiến độ tham mưu cơ chế chính sách thu hút đầu tư nguồn nhân lực chất lượng cao*.* Sau khi tổ chức thực hiện, tổng hợp tiếp thu các ý kiến đóng góp của các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết *"Quy định chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030"*, cụ thể như sau:

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị định 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Chỉ thị [24/CT-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/CT-TTg&match=True&area=2&lan=1) ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia;

Quyết định số [761/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-761-qd-ttg-2014-phe-duyet-de-an-phat-trien-truong-nghe-chat-luong-cao-den-nam-2020-230951.aspx) ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020”, Quyết định số [1363/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/quyet-dinh-1363-qd-ttg-2019-bo-sung-de-an-phat-trien-truong-cao-dang-chat-luong-cao-den-2025-426165.aspx) ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh bổ sung Đề án “Phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2025”;

Quyết định số [522/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-522-qd-ttg-2018-giao-duc-huong-nghiep-va-dinh-huong-phan-luong-hoc-sinh-pho-thong-382053.aspx) ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025;

Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp;

Quyết định số 1589/QĐ-TTg, ngày 8/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số [21/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-21-2018-tt-bldtbxh-tieu-chi-xac-dinh-chuong-trinh-dao-tao-chat-luong-cao-trung-cap-349735.aspx) ngày 30/11/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025;

Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/6/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 114/KH-TU ngày 19/10/2023 của Tỉnh ủy Bắc Ninh về việc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Bắc Ninh, 8 trường trung học cơ sở trọng điểm và chế độ đối với cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên và học sinh tham gia bồi dưỡng, tập huấn tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh đối với trung học cơ sở, cấp quốc gia, khu vực, quốc tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Kế hoạch số 454/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

**2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết**

**2.1. Thực trạng về lực lượng lao động và kết quả công tác đào tạo nghề tại tỉnh Bắc Ninh**

*2.1.1. Thực trạng về lực lượng lao động*

Theo số liệu thống kê năm 2022, dân số Bắc Ninh là 1.488,3 nghìn người, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 787.220 người (chiếm 52,89% dân số), trong đó tỷ lệ lao động nam chiếm 49,2%, nữ chiếm 50,8%; lao động làm việc trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 4,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm 57,2%, dịch vụ chiếm 38,7%; Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số doanh nghiệp đăng ký đầu tư và hoạt động trên địa bàn tỉnh là 22.128 doanh nghiệp (trong các khu công nghiệp là trên 1.200 doanh nghiệp); có 466.887 lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp trên (lao động là việc trong khu công nghiệp là 294.127 người; lao động làm việc ngoài khu công nghiệp là 172.760 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo (bao gồm cả công nhân kỹ thuật, lao động được đào tạo qua truyền nghề trực tiếp) đạt 78%; trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 35,6% lực lượng lao động đang làm việc.

+ Cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo trong các doanh nghiệp: Lao động có trình độ đại học trở lên là 44.868 người, chiếm 9,61%; trình độ cao đẳng (kỹ thuật viên) là 35.157 người, chiếm 7.53%; trình độ trung cấp là 38.752 người, chiếm 8,30%; trình độ sơ cấp là 47.436 người, chiếm 10,16%; lao động qua đào tạo thường xuyên là 197.960 người, chiếm 42,4%; lao động chưa qua đào tạo là 102.714 người, chiếm 22,0%.

+ Cơ cấu lao động theo ngành/nghề tại các doanh nghiệp: Lao động nhóm ngành kỹ thuật/công nghệ chế biến chế tạo là: 356.273, chiếm 79,72% (khối kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa và cơ điện tử, công nghệ thông tin - ngành liên quan đến bán dẫn là 263.998 người, chiếm 74,10%; lao động nhóm ngành cơ khí/công nghệ cơ khí, chế tạo là 92.275 người, chiếm 25,9%); lĩnh vực Công nghệ Ô tô, sửa chữa sản xuất phân phối điện, điều hòa, cấp nước là 29.939 người, chiếm 6,40%; lao động thuộc lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, lao động vận tải, kho bãi là 34.034 người, chiếm 7,2%; lao động dịch vụ, kinh doanh, bảo hiểm ngân hàng, bất động sản, thông tin là 12.020 người, chiếm 2,5%; nhóm lao động lĩnh vực khoa học, hành chính, giáo dục, y tế, nghệ thuật… là 19.515 người, chiếm 4,18%.

*2.1.2. Về công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh*

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện có 56 cơ sở GDNN, trong đó có 13 trường cao đẳng, 18 trường trung cấp, 17 trung tâm GDNN và 8 cơ sở khác có hoạt động GDNN, trong đó có 19 cơ sở GDNN công lập, 34 cơ sở GDNN tư thục; không có cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài; 01 trường được đầu tư và phát triển trở thành trường chất lượng cao vào năm 2025; 09 trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt lựa chọn đầu tư trường trọng điểm với 30 nghề trọng điểm trong đó có 07 nghề cấp quốc tế, 04 nghề cấp khu vực ASIAN và 19 ngành, nghề cấp quốc gia.

Công tác truyền thông về GDNN, định hướng phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông đã có chuyển biến tích cực, kết quả tuyển sinh và đào tạo những năm gần đây cho thấy nhu cầu học sinh tham gia học GDNN tăng cao và có nhận thức rõ ràng liên quan đến việc làm và thu nhập sau này. Kết quả tuyển sinh GDNN năm 2022 được 66.195 HSSV, trong đó trình độ cao đẳng 4.728 SV, trung cấp 5.249 HS, sơ cấp 42.202 học sinh, đào tạo dưới 3 tháng 14.016 học sinh; năm 2023 được 71.805 HSSV, trong đó trình độ cao đẳng 5.582 SV, trung cấp 6.321 HS, sơ cấp 35.579 học sinh, đào tạo dưới 3 tháng 24.323 học sinh.

Công tác đào tạo nghề chất lượng cao được quan tâm; tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Bắc Ninh có 2 trường Cao đẳng đang đào tạo ngành nghề chất lượng cao là Trường cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và Trường Cao đẳng Cơ điện và xây dựng Bắc Ninh với các nghề như Điện tử công nghiệp, Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp... Các trường được lựa chọn đầu tư trường trọng điểm, ngành nghề trọng điểm đang tích cực đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao để đảm bảo các tiêu chí chương trình đào tạo chất lượng cao.

Các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. 100% các cơ sở GDNN đều đảm bảo điều kiện để thực hiện quy mô tuyển sinh và tổ chức đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN được cấp; Chất lượng đào tạo của các trường đều được nâng lên, 85% học sinh, sinh viên tốt nghiệp nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ thông tin, sản xuất, chế biến và xây dựng có việc làm ngay sau tốt nghiệp; trong đó một số trường đào tạo ngành nghề trọng điểm có 93% sinh viên được các doanh nghiệp lớn tiếp nhận trước thời điểm tốt nghiệp để đào tạo cập nhật công nghệ mới sát với nhu cầu vị trí việc làm của doanh nghiệp. Nhiều cơ sở GDNN đã thực hiện tốt công tác liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo với nhiều mô hình hợp tác có hiệu quả giúp người học sau khi tốt nghiệp tiếp cận ngay với hoạt động sản xuất tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả tuyển sinh và đào tạo những năm gần đây cho thấy cơ cấu trình độ đào tạo còn bất cập, tỷ lệ tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp còn thấp (chiếm 16,6% tổng số tuyển sinh). Ở trình độ kỹ thuật viên (cao đẳng) chỉ đáp ứng được gần 15% nhu cầu nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Với quy mô tuyển sinh, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo như hiện nay thì công tác GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực có kỹ năng tay nghề cao để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhất là trong bối cảnh xu hướng tự động hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của nền công nghiệp số.

*\* Về đội ngũ nhà giáo GDNN*

Công tác phát triển, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo được các cơ sở GDNN quan tâm, chất lượng đội ngũ nhà giáo GDNN đạt chuẩn và trên chuẩn tăng đều hàng năm. Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 3113 nhà giáo GDNN, trong đó các trường cao đẳng có 891 nhà giáo (chiếm 28.6%), trường trung cấp có 844 nhà giáo (27.1%), các trung tâm GDNN có 1.306 nhà giáo (42.0%) và các cơ sở khác có hoạt động GDNN có 72 nhà giáo (2.3%). Phân theo trình độ chuyên môn, tiến sỹ: 56 nhà giáo (chiếm 1.8%); thạc sỹ: 628 nhà giáo (20.2%), đại học: 1261 nhà giáo (40.5%), cao đẳng: 257 nhà giáo (8.3%), trung cấp: 811 nhà giáo (26.1%) và trình độ khác: 100 nhà giáo (3.2%).

Số nhà giáo hiện đang tham gia giảng dạy các chương trình chất lượng cao là 56 nhà giáo, trong đó có 1 tiến sỹ, 51 thạc sỹ và 4 nhà giáo trình độ đại học.

*\* Về công tác hỗ trợ học phí học nghề cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh*

Từ năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 29/9/2021 về việc quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026. Chính sách có tác động tích cực thúc đẩy học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học nghề, sau 3 năm thực hiện đã hỗ trợ học phí học nghề cho 10.038 HSSV, với kinh phí thực hiện 83,48 tỷ đồng. Kết quả của chính sách đã giúp các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh thu hút được nhiều học sinh có chất lượng tham gia học trình độ cao đẳng, nhiều sinh viên có kỹ năng giỏi ra trường đáp ứng cơ bản nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chính sách thu hút này cần được điều chỉnh cho phù hợp với định mức kinh tế - kỹ thuật; đặc biệt là chi hỗ trợ đào tạo các ngành nghề trọng điểm, công nghiệp bán dẫn, đào tạo chất lượng cao phù hợp với quy mô, cơ cấu lao động phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh.

**2.2. Sự cần thiết**

- Trong thời đại công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực nói chung, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là một trong ba khâu đột phá quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Việc ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, người lao động tham gia học nghề ở trình độ cấp học cao hơn nhằm xây dựng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật nghề, nhất là nhân lực có tay ghề cao góp phần nâng cao năng suất lao động. Đây cũng là giải pháp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX “*Phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025 nhằm xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và có cơ cấu hợp lý, cơ cấu ngành nghề phù hợp, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất, nhân cách, năng lực nghề nghiệp, thành thạo về kỹ năng, tác phong chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, đưa nhân lực trở thành lợi thế quan trọng nhất trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh”.*

- Thu hút đầu tư được tỉnh Bắc Ninh xác định tập trung vào các dự án có công nghệ cao, tăng hàm lượng khoa học, suất đầu tư lớn, giảm định mức sử dụng đất, nâng cao tỷ trọng nội địa hóa sản phẩm. Hiện tại các doanh nghiệp công nghệ, công nghiệp số đăng ký đầu tư vào tỉnh Bắc Ninh tăng mạnh và tiếp tục mở rộng quy mô, điển hình là các tập đoàn lớn như Amkor Technology, Foxconn, Goertek, Samsung, … kéo theo hàng ngàn doanh nghiệp phát triển phụ trợ, do đó nhu cầu nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong thị trường lao động trên địa bàn tỉnh ngày càng lớn.

- Tỉnh Bắc Ninh đã quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030 và đã đạt được một số kết quả nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển nhân lực của tỉnh trong thời gian qua cũng còn có nhiều bất cập như: lực lượng lao động, trình độ và cơ cấu đào tạo mất cân đối giữa các ngành nghề; thiếu lao động kỹ thuật có tay nghề cao thuộc các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, trong khi đó doanh nghiệp trong tỉnh có nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng nhân lực thuộc các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa, ngành công nghiệp bán dẫn, … Như vậy để thay đổi quy mô, cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo phù hợp nhu cầu thị trường lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ kỹ năng tay nghề cao thì cần có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nhằm khuyến khích số lượng đông đảo học sinh tốt nghiệp THPT, người lao động tham gia học tập tại các cơ sở GDNN trình độ cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh.

- Hiện tại tỉnh Bắc Ninh đã có chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh Trường trung học phổ thông Chuyên Bắc Ninh, 8 trường trung học cơ sở trọng điểm tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong khi đó nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đang giảng dạy các chương trình chất lượng cao, các ngành nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực ASIAN và thế giới, ngành nghề có nhu cầu lớn về nhân lực chất lượng cao đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như điện tử, vi mạch – bán dẫn, … hiện tỉnh chưa có chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực này.

Từ thực trạng nêu trên, để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được thị trường lao động và tạo lợi thế cạnh tranh thì tỉnh cần thiết xây dựng và ban hành *“Chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030”*.

**II. NỘI DUNG QUY ĐỊNH HỖ TRỢ**

**1. Đối tượng hỗ trợ**

- Nhà giáo giảng dạy các ngành nghề chất lượng cao, ngành công nghiệp bán dẫn tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Học sinh, người lao động hiện đang sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh, đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) tại các trường trong tỉnh tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Học sinh, người lao động sinh sống, tốt nghiệp THPT tại các trường ngoài tỉnh Bắc Ninh tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp ở các nghề đào tạo chất lượng cao, nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn tại các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Người lao động đã tốt nghiệp trình độ từ cao đẳng trở lên đang làm việc tại các doanh nghiệp trong tỉnh đủ điều kiện và đăng ký tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh để học bổ sung các mô đun, môn học ngành công nghiệp bán dẫn.

- Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động và sử dụng lao động có thời gian làm việc liên tục tại doanh nghiệp từ đủ 01 năm trở lên.

**2. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Hỗ trợ học sinh, sinh viên học trình độ cao đẳng, trung cấp thuộc các ngành, nghề theo danh mục ngành, nghề được lựa chọn hỗ trợ của tỉnh gồm: Danh mục ngành nghề phổ biến (*Phụ lục 1 kèm theo);* Danh mục ngành nghề chất lượng cao (*Phụ lục 2 kèm theo)*;Danh mục ngành nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn *(Phụ lục 3 kèm theo);* các ngành nghề chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Người học đủ điều kiện được hỗ trợ học phí học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo quy định này; Người học đã được hỗ trợ học phí học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ theo quy định này.

- Mức hỗ trợ học phí cho người học nghề theo quy định; trường hợp mức thu học phí của cơ sở GDNN thấp hơn mức hỗ trợ theo quy định này thì mức hỗ trợ học phí cho người học là mức thu học phí thực tế của cơ sở GDNN.

- Người học đăng ký học cùng lúc ở hai cơ sở GDNN hoặc hai chương trình đào tạo chỉ được hỗ trợ học nghề ở một cơ sở GDNN hoặc một chương trình đào tạo.

- Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khoá, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng, không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; không quá 06 tháng với đào tạo chuyển đổi sang nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn và dưới 3 tháng đối với đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao tại doanh nghiệp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng.

- Đối với học sinh sinh sống, tốt nghiệp THPT tại các trường ngoài tỉnh Bắc Ninh tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng ở nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn chỉ được hỗ trợ theo chính sách này khi có cam kết sau tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tối thiểu 05 năm. Nếu không thực hiện đúng cam kết sẽ bị truy thu kinh phí hỗ trợ học phí; người học phải hoàn trả học phí cho cơ sở GDNN theo quy định.

- Đối với người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tốt nghiệp từ trình độ cao đẳng trở lên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn để học bổ sung các mô đun, môn học thuộc ngành nghề công nghiệp bán dẫn tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Người lao động tham gia đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao tại doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ không quá một lần ứng với mỗi chương trình đào tạo.

**3. Nội dung hỗ trợ**

3.1. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

*a) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giảng dạy chương trình chất lượng cao*

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Bắc Ninh, 8 trường trung học cơ sở trọng điểm và chế độ đối với cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên và học sinh tham gia bồi dưỡng, tập huấn tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh đối với trung học cơ sở, cấp quốc gia, khu vực, quốc tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; trong đó có quy định một số chính sách thu hút, tuyển dụng nhà giáo và chế độ đối với nhà giáo giảng dạy tại Trường trung học phổ thông Chuyên Bắc Ninh, cụ thể:

\* Giáo viên trường THPT Chuyên Bắc Ninh giảng dạy các môn chuyên được hỗ trợ bằng 18 lần mức lương cơ sở/giáo viên/năm; giáo viên giảng dạy các môn không chuyên tại các lớp chuyên được hỗ trợ bằng 9 lần mức lương cơ sở/người/năm. Chi trả 2 lần/năm vào cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2;

\* Hỗ trợ giáo viên là Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sỹ được tuyển chọn về làm việc tại trường THPT Chuyên Bắc Ninh:

- Giáo sư: nam 200.000.000 đồng; nữ 220.000.000 đồng;

- Phó giáo sư: nam 140.000.000 đồng; nữ 160.000.000 đồng;

- Tiến sĩ: nam 100.000.000 đồng; nữ 120.000.000 đồng;

\* Hỗ trợ Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ ở ngoài tỉnh được tiếp nhận giảng dạy tại trường THPT Chuyên Bắc Ninh và có cam kết lâu dài (ít nhất 10 năm) được hỗ trợ kinh phí nhà ở giá trị 01 (một) tỷ đồng (tương đương giá trị 01căn hộ nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Bắc Ninh có diện tích khoảng 70m2).

*b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ người học nghề*

- Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định trên thì mức trần học phí đối với cơ sở GDNN công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học** |
| **2023-2024** | **2024-2025** | **2025-2026** | **2026-2027** |
| 1 | Khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh | 2496 | 2656 | 2720 | 3200 |
| 2 | Khoa học, pháp luật và toán | 2652 | 2822 | 2890 | 3400 |
| 3 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 3740 | 3984 | 4080 | 4800 |
| 4 | Sản xuất, chế biến và Xây dựng | 3588 | 3818 | 3910 | 4600 |
| 5 | Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y | 2574 | 2740 | 2800 | 3300 |
| 6 | Sức khỏe | 4368 | 4648 | 4760 | 5600 |
| 7 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 3120 | 3320 | 3400 | 4000 |
| 8 | An ninh, quốc phòng | 3432 | 3640 | 3740 | 4400 |

- Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Theo quy định trên thì người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng: Mức hỗ trợ tính theo mức thu học phí của cơ sở đào tạo nghề nghiệp và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo; người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng: Mức hỗ trợ tính theo tháng, mức thu học phí và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng.

3.2. Mức hỗ trợ

*a) Hỗ trợ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giảng dạy chương trình đào tạo chất lượng cao, ngành công nghiệp bán dẫn.*

\* Nhà giáo tham gia giảng dạy các mô đun, môn học cơ sở ngành, chuyên ngành ở các nghề đào tạo chất lượng cao được hỗ trợ bằng 20 lần mức lương cơ sở/nhà giáo/năm; điều kiện hỗ trợ: nhà giáo có tổng số giờ thực dạy chương trình chất lượng cao đạt từ 50% định mức giờ dạy tiêu chuẩn/năm và được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chi trả 2 lần/năm vào cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2.

\* Hỗ trợ nhà giáo là Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sỹ và nhà giáo có trình độ thạc sỹ chuyên ngành công nghiệp bán dẫn được tuyển chọn về làm việc tại các trường công lập trực thuộc tỉnh:

- Giáo sư: nam 200.000.000 đồng; nữ 220.000.000 đồng;

- Phó giáo sư: nam 140.000.000 đồng; nữ 160.000.000 đồng;

- Tiến sĩ: nam 100.000.000 đồng; nữ 120.000.000 đồng;

- Thạc sỹ ngành công nghiệp bán dẫn: nam 80.000.000 đồng; nữ 100.000.000 đồng.

\* Hỗ trợ Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ ở ngoài tỉnh được tiếp nhận giảng dạy chương trình chất lượng cao tại các trường cao đẳng công lập trực thuộc tỉnh và có cam kết làm việc lâu dài (ít nhất 10 năm) được hỗ trợ kinh phí nhà ở giá trị 01 (một) tỷ đồng (tương đương giá trị 01 căn hộ nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Bắc Ninh có diện tích khoảng 70m2).

\* Hỗ trợ 100% học phí và chi phí tài liệu học tập cho nhà giáo đang công tác tại các trường công lập trực thuộc tỉnh tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn để học chuyển đổi, bồi dưỡng nâng cao chuyên ngành công nghiệp bán dẫn tại các trường đại học, học viện trong nước và nước ngoài tổ chức.

*b) Hỗ trợ người học nghề*

*\* Hỗ trợ học phí các ngành nghề phổ biến*

Mức chi hỗ trợ học phí cho học sinh, người lao động đã tốt nghiệp THPT tại các trường trong tỉnh tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh bằng 30% mức trần học phí đối với cơ sở GDNN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Mức hỗ trợ học phí cho 21 ngành nghề phổ biến, cụ thể:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học** |
| 2024-2025 | 2025-2026 | 2026-2027 | 2027-2028 | 2028-2029 | 2029-2030 |
| 1 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 1200 | 1220 | 1440 | 1540 | 1650 | 1770 |
| 2 | Sản xuất, chế biến và Xây dựng | 1150 | 1170 | 1380 | 1480 | 1580 | 1690 |
| 3 | Sức khỏe | 1390 | 1430 | 1680 | 1800 | 1920 | 2060 |
| 4 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 1000 | 1020 | 1200 | 1280 | 1370 | 1470 |

*\* Hỗ trợ học phí các nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn*

Mức chi hỗ trợ học phí cho học sinh, người lao động đã tốt nghiệp THPT tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp theo chương trình chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn tại cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh bằng 70% mức trần học phí đối với cơ sở GDNN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Mức hỗ trợ học phí cho các ngành, nghề đào tạo chất lượng cao và 11 nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn, cụ thể:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học** |
| 2024-2025 | 2025-2026 | 2026-2027 | 2027-2028 | 2028-2029 | 2029-2030 |
| 1 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 2790 | 2860 | 3360 | 3600 | 3850 | 4120 |
| 2 | Sản xuất, chế biến và Xây dựng | 2670 | 2740 | 3220 | 3440 | 3680 | 3940 |
| 3 | Sức khỏe | 3250 | 3330 | 3920 | 4190 | 4490 | 4800 |
| 4 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 2320 | 2380 | 2800 | 3000 | 3210 | 3430 |

*\* Hỗ trợ học phí đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi đáp ứng nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn*

Mức chi hỗ trợ người lao động đã tốt nghiệp từ trình độ cao đẳng trở lên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn để học bổ sung các mô đun, môn học thuộc ngành công nghiệp bán dẫn tối đa 1.500.000 đồng/người/tháng.

*\* Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động*

 Mức chi hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động và sử dụng lao động có thời gian làm việc liên tục tại doanh nghiệp từ đủ 01 năm trở lên, tối đa 1.500.000 đồng/người/tháng.

**4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh chi thực hiện hỗ trợ hàng năm.

**5. Cơ chế thực hiện hỗ trợ**

- Ngân sách nhà nước tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ theo chính sách này hàng năm cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thanh toán kinh phí hỗ trợ các cơ sở GDNN, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện kinh phí hỗ trợ học phí theo học kỳ vào tháng 5 và tháng 11 hằng năm.

- Hằng năm, các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp dự toán trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**6. Dự toán kinh phí thực hiện**

6.1. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, dự toán kinh thực hiện hỗ trợ học phí học nghề cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2024-2030 như sau:

- Năm học 2024-2025: Tổng số 5.830 người học được hỗ trợ (trong đó đào tạo nghề phổ biến là 1.870 HSSV, đào tạo nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn là 3.660 HSSV, đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi nghề cho 300 lao động); Kinh phí thực hiện: 129.269.000.000 đồng.

- Năm học 2025-2026: Tổng số 7.010 người học được hỗ trợ (trong đó đào tạo nghề phổ biến là 2.110 HSSV, đào tạo nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn là 4.400 HSSV, đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi nghề cho 500 lao động); Kinh phí thực hiện: 158.781.000.000 đồng.

- Năm học 2026-2027: Tổng số 8.160 người học được hỗ trợ (trong đó đào tạo nghề phổ biến là 2.370 HSSV, đào tạo nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn là 5.040 HSSV, đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi nghề cho 750 lao động); Kinh phí thực hiện: 213.920.000.000 đồng.

- Năm học 2027-2028: Tổng số 9.030 người học được hỗ trợ (trong đó đào tạo nghề phổ biến 2.520 HSSV, đào tạo nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn là 5.560 HSSV, đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi nghề cho 950 lao động); Kinh phí thực hiện: 251.898.000.000 đồng.

- Năm học 2028-2029: Tổng số 9.800 người học được hỗ trợ (trong đó đào tạo nghề phổ biến 2.640 HSSV, đào tạo nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn là 6.060 HSSV, đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi nghề cho 1100 lao động); Kinh phí thực hiện: 291.650.000.000 đồng.

- Năm học 2029-2030: Tổng số 10.760 người học được hỗ trợ (trong đó đào tạo nghề phổ biến 2.750 HSSV, đào tạo nghề chất lượng cao và nghề liên quan đến công nghiệp bán dẫn là 6.660 HSSV, đào tạo ngắn hạn để chuyển đổi nghề cho 1.350 lao động); Kinh phí thực hiện: 340.771.000.000 đồng.

6.2. Hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn cho người lao động đào tạo tại doanh nghiệp giai đoạn 2024-2030, cụ thể:

Dự kiến kinh phí hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động tại doanh nghiệp (3.500người/năm x 1.500.000đồng/người) x 6 năm = 31.500.000.000 đồng.

 Tổng kinh phí hỗ trợ học phí trong 06 năm học (từ năm học 2024-2025 đến năm học 2029-2030): 1.417.789.000.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm mười bảy tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn),* có dự toán kinh phí hỗ trợ tại Phụ lục 4 kèm theo.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất nhiệm vụ các sở, ngành chức năng, các địa phương tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng công tác GDNN; Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn theo quy định; Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ; Hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành chức năng chỉ đạo đẩy mạnh nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông. Chỉ đạo phòng giáo dục đào tạo, các trường THPT phổ biến, tuyên truyền chính sách của tỉnh để nâng cao nhận thức và thu hút lực lượng học sinh tốt nghiệp THPT đăng ký tuyển sinh tham gia học nghề.

3. Sở Tài chính tham mưu giúp UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ theo quy định được phê duyệt. Hướng dẫn sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định pháp luật.

4. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng, cơ quan chức năng cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh đối với công tác GDNN; Triển khai thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn. Phối hợp với các Sở, ngành chức năng thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách của tỉnh về công tác GDNN tại các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn địa phương quản lý.

 Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh *"Quy định chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030".* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*- UBND tỉnh (b/c);- Đ/c Vương Quốc Tuấn PCTTT UBND tỉnh (b/c);- VP UBND tỉnh;- Các Sở, ngành tỉnh;- UBND các Huyện, TX, TP;- Lưu: VT, VP, QLDN. | **GIÁM ĐỐC** **Nguyễn Nhân Chinh** |